

GIẤY ĐỀ NGHỊ THƯƠNG LƯỢNG THANH TOÁN BỘ CHỨNG TỪ XUẤT KHẨU
REQUEST FOR NEGOTIATION ON EXPORT DOCUMENTS

Kính gửi: Ngân hàng Sinopac- Chi nhánh Tp.HCM (“Ngân Hàng”)

To: Bank Sinopac - Ho Chi Minh City Branch (the "Bank")

Ngày/dated: _____

Chúng tôi/ We, [Tên Bên Vay/the Borrower's name]

Đại diện bởi/ Represented by: Ông/Bà/ Mr/Ms _____.

Chức vụ/ Position: _____/ _____.

Theo Giấy ủy quyền số: _____ ngày _____ do Người đại diện theo pháp luật cấp./ Pursuant to Power of Attorney No. _____ dated _____ issued by company's legal representative.

(Sau đây gọi là **“Bên Vay”**/herein referred to as the **"Borrower"**)

Căn cứ Hợp Đồng Tín Dụng ngắn hạn số _____ ngày _____ và các bản sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Tín Dụng Ngắn Hạn này phát sinh trong tương lai (nếu có) được ký giữa Ngân Hàng và Bên Vay (**“Hợp Đồng Tín Dụng”**), với mọi trách nhiệm thuộc về mình, Bên Vay đề nghị Ngân Hàng thương lượng thanh toán có truy đòi đối với bộ chứng từ xuất khẩu dưới đây (**“Khoản Cấp Tín Dụng”**) với chi tiết như sau:/ In accordance with Short-term Facility Agreement No. _____ dated _____ and any amendment and supplements of this Short-term Facility Agreement generated in the future (if any) entered into between the Bank and the Borrower (the **"Facility Agreement"**), with our own responsibilities, the Borrower hereby requests the Bank to negotiate with recourse on the export documents (the **"Facility"**) with the following details:

1. Thông tin bộ chứng từ / Documents details

- Hối Phiếu số/ Bill No.: _____ Ngày/ Dated: _____

- Trị giá bộ chứng từ / Document amount: _____

Theo Đơn xuất trình chứng từ thương lượng/Nhờ thu ngày _____, số: _____ được gửi đến Ngân Hàng.

Pursuant to Application for Negotiation/Collection dated _____, No. _____ submitted to the Bank.

2. Đề nghị thương lượng thanh toán / Request for negotiation

2.1. Số Tiền thương lượng thanh toán (**“Khoản Tiền Ứng”**)/Negotiation amount (the **"Advance"**): _____ (Bằng chữ/ In words: _____).

2.2. Thời hạn thương lượng thanh toán (**“Thời Hạn Cho Vay”**)/ Negotiation term (the **"Facility Term"**): từ ngày tiếp theo ngày Ngân Hàng giải ngân Khoản Tiền Ứng đến ngày _____ (**“Ngày Hoàn Trả”**)/ commencing as from the date subsequent to the date of disbursement of the Advance by the Bank and ending on _____ (the **"Repayment Date"**).

2.3. Mục đích sử dụng/ Usage purposes: _____. Bên Vay cam kết sử dụng Khoản Tiền Ứng vào các mục đích hợp pháp/ The Borrower undertakes to use the Advance for legitimate purposes.

2.4. Phương thức thanh toán/ Payment method: đề nghị Ngân Hàng ghi có Khoản Tiền Ứng vào tài khoản số: _____ của Bên Vay tại Ngân Hàng/ the Bank to credit the Advance into account No. _____ of the Borrower opened at the Bank.

- 2.5. Biện pháp bảo đảm/*Security*: Ngoài tài sản bảo đảm theo các Hợp Đồng Bảo Đảm được ký kết giữa Ngân Hàng và Bên Vay để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng Tín Dụng Ngắn Hạn, Bên Vay cam kết thế chấp và/hoặc cầm cố cho Ngân Hàng nguồn thu từ Bộ chứng từ xuất khẩu đã được Ngân Hàng thương lượng thanh toán để bảo đảm cho Khoản Tiền Ứng.

In addition to the security assets in accordance with the Security Agreements entered into between the Bank and the Borrower, for the purposes of securing the Borrower's obligations under the Short-term Facility Agreement, the Borrower undertakes to mortgage and/or pledge to the Bank any amounts collected from the export documents proposed to be negotiated by the Bank.

- 2.6. Lãi suất thương lượng thanh toán ("**Lãi Suất Cho Vay**")/ *Negotiation interest rate (the "Interest Rate")*: ____%/năm (365 ngày)/ % per annum (365 days).

- 2.7. Phí khác (nếu có)/ *Other fees (if any)*: _____

- 2.8. Thanh toán Tiền Lãi thương lượng thanh toán ("**Tiền Lãi**")/ *Payment of the Negotiation Interest (the "Interest")*: thu một lần ngay khi giải ngân Khoản Tiền Ứng. Tiền Lãi sẽ không được hoàn trả cho Bên Vay với bất kỳ lý do nào./ *Payable in one lump sum immediately after the disbursement of the Advance. The interest without refund to Borrower in any reason.*

3. Bên Vay cam kết/ *The Borrower commits that*:

Giấy Đề Nghị thương lượng thanh toán này là một phần không tách rời của Hợp Đồng Tín Dụng, các từ ngữ được viết hoa tại Giấy Đề Nghị thương lượng thanh toán này sẽ được giải thích và hiểu theo ý nghĩa được quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng; đồng thời các nội dung còn lại chưa quy định tại Giấy Đề Nghị thương lượng thanh toán này thì áp dụng và thực hiện theo Hợp Đồng Tín Dụng trong phạm vi đó để thực hiện giao dịch thương lượng thanh toán bộ chứng từ này./ *This Negotiation Request is an integral part of the Facility Agreement, all terms defined and capitalized in the Negotiation Agreement shall be interpreted and construed in accordance with the Facility Agreement. For any issues which have not been covered by this Negotiation Request, the Facility Agreement will be applicable to that extent for the purposes of this negotiation transaction.*

Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa Hợp Đồng Tín Dụng và Giấy Đề Nghị thương lượng thanh toán, thì nội dung tại Giấy Đề Nghị thương lượng thanh toán này được ưu tiên áp dụng trong phạm vi sự mâu thuẫn đó./ *In the event of any conflicts between the Facility Agreement and the Negotiation Agreement, this Negotiation Agreement shall prevail to the extent of such conflict.*

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO

SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF

[TÊN CÔNG TY]

[BORROWER NAME]

Authorized signature(s)